

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 41/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 23- 9- 2021.

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Ông Lương Văn Định

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 105/2021/TLST- HNGĐ ngày 12/5/2021 về “ *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXX ST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST/HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1981 (đề nghị xét xử vắng mặt);
Cư trú tại: Xóm 7, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1980 (Triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt)
Cư trú tại: Xóm 7, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh H kết hôn ngày 13 tháng 12 năm 2006, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y. Sau khi kết hôn vợ chồng về nhà anh H sinh sống. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tháng 1 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi

nhau, bất đồng quan điểm sống cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh H thường xuyên bỏ nhà đi chơi cờ bạc, quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng gần nhau lại cãi nhau. Hai gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 2 năm 2016, nguyên nhân là do anh H đi chơi, nợ nhiều về nhà vợ chồng cãi nhau, anh H túm cổ áo và đánh chị khi đó chị đang mang thai cháu thứ 2. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 2/2016 đến nay. Thời gian này anh H thường xuyên bỏ nhà đi chơi thời gian dài mới về. Sự việc vợ chồng như vậy, mẹ chồng chị khuyên bảo anh H nhưng không có kết quả.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 19/10/2007, Nguyễn Thái H, sinh ngày 05/5/2016, hiện đang ở với chị. Hiện chị làm công nhân lương hàng tháng trung bình khoảng 14.000.000 đồng/1 tháng, chị có nhiều thời gian để chăm sóc con chung. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi 02 con chung. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Xuân H là bị đơn: Tòa án đã niêm yết, giao Thông báo thụ lý vụ án, 02 lần niêm yết, giao Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.
- Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Tấn Ph và cháu Nguyễn Thái H, chị T không yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- Án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000167 ngày 11/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Chị Vũ Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Xuân H là bị đơn cư trú tại: xóm 7, xã C, huyện Y. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Chị Vũ Thị T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Xuân H là bị đơn Tòa án triệu tập lần 2, anh H đều vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Xuân H kết hôn ngày 13 tháng 12 năm 2006, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y là phù hợp với các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 1 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường cãi nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh H thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời, cờ bạc và có quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 2 năm 2016, nguyên nhân là do anh H chơi bời nợ nhiều về nhà vợ chồng cãi nhau, anh H đánh chị T khi đó chị T đang mang thai con chung 02 tháng. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 2 năm 2016 đến nay.

Kết quả xác minh ở gia đình và địa phương cung cấp: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh H không có việc làm ổn định, chơi cờ bạc dẫn đến nợ chiêu, anh Hùng bỏ nhà đi thi thoảng mới về. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình và địa phương nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị T và anh H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 19/10/2007, Nguyễn Thái H, sinh ngày 05/5/2016, hiện đang ở với chị T. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T, Hội đồng xét xử thấy con chung ở với chị T từ nhỏ, thu

nhập của chị T trung bình 14.000.000 đồng/1 tháng, nguyện vọng của con chung ở với mẹ. Anh H thường xuyên vắng nhà, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, số nợ, ruộng đất nông nghiệp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điểm e Khoản 1 Điều 192, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 19/10/2007, Nguyễn Thái H, sinh ngày 05/5/2016. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác* : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2019/0000167 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị T đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã C.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hương